TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2018
V/v "ly hôn giữa bà M và ông Tr"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lô;

2/ Ông Phạm Văn Dự;

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

- Đại diện Viện sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn M, sinh năm: 1970.

Địa chỉ cư trú: 229, ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Tô Tr, sinh năm: 1972.

Địa chỉ cư trú: 229, ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà M có mặt, ông Tr vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, bà Nguyễn M trình bày như sau:

Do quen biết và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 1990 bà và ông Tô Tr có tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn và được UBND xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2002.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống ở ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Tr có quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tô Tr.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Tô H, sinh ngày 15/7/1991; Tô Tr H, sinh ngày 03/10/1992 hiện đã trưởng thành và Tô T, sinh ngày 13/7/2003, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, H và Tr H do đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi T và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, Tô Tr, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự đến hòa giải và triệu tập đến phiên tòa xét xử nhưng ông Tr vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền tuy nhiên thời gian thụ lý chưa đúng quy định, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự là đúng. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân gia đình đề nghị cho bà Nguyễn M được ly hôn với ông Tô Tr. Về con chung bà M được nuôi con chung tên Tô Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn M yêu cầu ly hôn với ông Tô Tr là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn, ông Tô Tr, đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp:

- Về hôn nhân:

Bà Nguyễn M và ông Tô Tr xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Bà M yêu cầu được ly hôn với ông Tr vì cho rằng ông Tr quen biết với người phụ nữ khác và không còn quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã đã ly thân nhau nhiều năm nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên hòa giải, xét xử nhưng ông Tr đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông Tr không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên.

Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông Tr lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà M yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung:

Vợ chồng có 03 con chung tên Tô H, sinh ngày 15/7/1991; Tô Tr H, sinh ngày 03/10/1992 hiện đã trưởng thành và Tô T, sinh ngày 13/7/2003, hiện đang sống với bà Một. Khi ly hôn, H và Tr H đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi T và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì T sống với bà M. Để ổn định tình cảm và sinh hoạt cho cháu, cần duy trì việc nuôi dưỡng này và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với bà M. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho bà M nuôi dưỡng. Ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

- Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Bà M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 147; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn M về việc yêu cầu ly hôn với ông Tô Tr. Bà Nguyễn M được ly hôn với ông Tô Tr.

2/ Về con chung:

Bà Nguyễn M được tiếp tục nuôi con tên Tô T, sinh ngày 13/7/2003. Ông Tô Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04946, ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, bà M đã nộp đủ án phí. Ông Tô Tr không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, có mặt, được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/4/2018). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ;
-Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Hồng